

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/3/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Xuân Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Lê Thị Thanh Thuần

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 448/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tô H, sinh năm 1989; nơi ĐKTT: khu phố X, phường P, thành phố Y, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở: 184B/2 khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn M, sinh năm 1982; nơi cư trú: khu phố X, phường P, thành phố Y, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tô H trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường P, thành phố Y và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 12, quyển số 01 ngày 13/02/2008.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh M không còn quan tâm gia đình nên thường xuyên say xỉn, đi làm về muộn. Chị muốn đi làm kiếm tiền phụ giúp gia đình nhưng anh M không tôn trọng, sẽ chia mà thường tìm cách gây khó dễ buộc chị phải nghỉ làm. Chị không chịu đựng được nên bỏ nhà đi làm ăn xa từ tháng 6/2020. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn để ổn định cuộc sống riêng mỗi bên.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 27/12/2008 và Nguyễn L, sinh ngày 04/02/2017. Hiện nay 02 cháu đang do anh M nuôi dưỡng. Ly hôn, giao 02 con chung cho anh M nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho mỗi con 1.000.000đ.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

**\* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn M trình bày được tóm tắt như sau:**

- Về hôn nhân: thống nhất với trình bày chị H về thủ tục đăng ký và thời gian kết hôn. Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, không có xảy ra mâu thuẫn. Anh mãi lo đi làm kiếm tiền nên nhiều lúc có về muộn nhưng vẫn quan tâm, chăm sóc gia đình. Anh không ngăn cản chị H đi làm, anh lo lắng chị H đi làm tăng ca về tối, không chăm lo con cái, nên mới khuyên nhủ chị H. Theo anh, nguyên nhân chị H bỏ đi do cha mẹ anh có lời lẽ xúc phạm chị H, lúc đó anh không biết sự việc nghiêm trọng nên chưa có hành động kịp thời chia sẻ với chị. Từ ngày chị H bỏ đi, anh thấy sai trái và hứa cố gắng quan tâm tâm tư, tình cảm chị H hơn nữa và sẽ không để xảy ra sự việc tương tự. Sau khi biết chị B đi làm ở Bình Dương, anh vào Bình Dương tìm việc làm và tìm kiếm chị H xin lỗi, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh vẫn còn thương yêu chị H nên không đồng ý ly hôn. Anh tha thiết đề nghị Tòa án cho anh cơ hội để vợ chồng anh được đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo nuôi dạy con nhỏ.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 27/12/2008 và Nguyễn L, sinh ngày 04/02/2017. Từ ngày chị H bỏ nhà đi thì 02 cháu do anh M nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn anh xin nuôi cháu L còn cháu H giao cho chị H nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:**

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: - Về hôn nhân: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô H về việc xin ly hôn anh Nguyễn M; về con chung, tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **I. Về thủ tục tố tụng:** Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Y nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

Nguyên đơn chị Tô H đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] **II. Về nội dung vụ án:**

[3] Về hôn nhân: Chị Tô H và anh Nguyễn M đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Y cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 12, quyển số 01 ngày 13/02/2008, là hôn nhân hợp pháp.

Chị Tô H yêu cầu ly hôn với lý do: anh M không còn quan tâm gia đình nên thường xuyên say xỉn, đi làm về muộn, không tôn trọng quyền lựa chọn việc làm, mưu cầu hạnh phúc cá nhân của chị H nhưng không có chứng cứ chứng minh. Anh M không thừa nhận lý do mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh M cam kết sẽ thay đổi, khắc phục thiếu sót trước đây, tha thiết xin đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: chị H xin ly hôn nhưng chưa chứng minh được mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài để ly hôn. Như vậy, yêu cầu ly hôn của chị H không thỏa mãn điều kiện ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; anh M xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng và hôn nhân có thể hàn gắn được do đó không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Vì Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H nên không giải quyết việc nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] **III. Về án phí:** Nguyên đơn chị Tô H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Tô H.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Tô H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000555 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường Y, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Lê Xuân Thu**







